TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất;

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: số 89 L, phường M, quận P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Võ Thị Kiều O, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: đội 3, thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: số 26/11, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 5 năm 2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Võ Thị Kiều O là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05 tháng 12 năm 2013, chị Nguyễn Thị H ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131204-500001-0080 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V). Theo đó, Ngân hàng V cho chị H vay số tiền 36.750.000 đồng (trong đó có phí bảo hiểm là 1.750.000 đồng); mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng hợp pháp; hình thức tín chấp không có tài sản bảo đảm; thời hạn cho vay là 36 tháng; phương thức cho vay là trả góp; lãi suất cho vay là 2,91%/tháng; chị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V tổng số tiền cả gốc và lãi là 59.833.000 đồng được chia đều mỗi tháng; 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.663.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.628.000 đồng, trả vào ngày 07 tây hàng tháng, bắt đầu tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H đã nhận đủ số tiền vay là 36.750.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng V được 15 kỳ với tổng số tiền là 26.145.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.927.361 đồng và tiền lãi là 15.217.639 đồng. Từ ngày 19 tháng 10 năm 2016, chị H không thanh toán cho Ngân hàng V mặc dù Ngân hàng V đã nhắc nhở nhiều lần; số nợ gốc chị H còn nợ Ngân hàng V là 36.750.000 đồng - 10.927.361 đồng = 25.822.639 đồng.

Trong Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2017, Ngân hàng V yêu cầu chị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc là 25.822.639 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 19 tháng 7 năm 2017, chị H đã thanh toán cho Ngân hàng V được 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc là 25.822.639 đồng - 5.000.000 đồng = 20.822.639 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị H vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: các bên tranh chấp phát sinh từ bằng Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131204-500001-0080 ngày 05 tháng 12 năm

2013 (bút lục số 49), Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

[4] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các đương sự trong vụ án là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị H có nơi cư trú tại ấp 2, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Vấn đề khác về tố tụng: ngày 21 tháng 8 năm 2017, Tòa án triệu tập hợp lệ chị H lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2017, chị H vắng mặt không lý do; ngày 06 tháng 9 năm 2017, Tòa án triệu tập hợp lệ chị H lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 22 tháng 9 năm 2017, chị H cũng vắng mặt không lý do. Do chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Việc vay tiền giữa Ngân hàng V với chị H được thể hiện bằng Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131204-500001-0080 ngày 05 tháng 12 năm 2013 do Ngân hàng V cung cấp cho Tòa án, tổng số tiền vay là 36.750.000 đồng (trong đó có phí bảo hiểm là 1.750.000 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị H không đến Tòa án tham gia tố tụng, tức chị H đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như chị H không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng V đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận tình tiết, chứng cứ này là có thật.

Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131204-500001-0080 ngày 05 tháng 12 năm 2013 được ký kết có nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 401 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 90, Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến trước thời điểm khởi kiện, chị H trả cho Ngân hàng V được 26.145.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.927.361 đồng và tiền lãi là 15.217.639 đồng, số nợ gốc chị H còn nợ Ngân hàng V là 25.822.639 đồng; sau đó chị H đã không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng V là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng, vi phạm Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Quá trình tố tụng, ngày 19 tháng 7 năm 2017, chị H đã thanh toán tiếp cho Ngân hàng V được 5.000.000 đồng. Nay, Ngân hàng V yêu cầu chị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc còn lại là 20.822.639 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng mà chị H đã thanh toán cho Ngân hàng V ngày 19 tháng 7 năm

2017, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng V là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút này, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[9] Án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 401, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 90, Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 20.822.639đ (hai mươi triệu tám trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 645.500đ (sáu trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002437 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.041.132đ (một triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm ba mươi hai đồng).

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến